

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng A, sinh năm 1983; HKTT: Ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; Ấp L, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Hồng A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên

cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà A và ông B có 03 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/5/2004; Nguyễn Anh D, sinh năm 20/11/2011 và Nguyễn Gia E, sinh ngày 03/02/2015. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 9.000.000 đồng (3.000.000/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tại buổi hòa giải ngày 12/5/2021, bà A thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con như sau: Bà A yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06/5/2021, ý kiến ông Nguyễn Văn B được thể hiện như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn Min chung sống với nhau từ năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 23/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Long Bình, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức ly hôn.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà A và ông B có 03 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/5/2004; Nguyễn Anh D, sinh năm 20/11/2011 và Nguyễn Gia E, sinh ngày 03/02/2015.

Ông B xác định còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 09/3/2021; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Văn C, Nguyễn Anh D, Nguyễn Gia E; Giấy chứng nhận kết hôn; bản tự khai; Giấy Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Võ Thị Hồng A; Bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 06/5/2021 của ông Nguyễn Văn B; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/5/2004; Nguyễn Anh D, sinh ngày 20/11/2011 và Nguyễn Gia E, sinh ngày 03/02/2015. Bị đơn là ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại ấp L, xã H, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2003. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 30 ngày 23/4/2003. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bị đơn thường uống rượu về nhà hủy hoại các tài sản trong gia đình, mâu thuẫn kéo dài được chính quyền địa phương nhiều lần khuyên ngăn. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Tại bản tự khai ngày 06/5/2021, bị đơn thừa nhận việc giữa nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức ly hôn nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn được tòa án giải thích về việc hòa giải giúp vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, bị đơn chỉ nộp bản tự khai ngày 06/5/2021 và từ chối đến Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Từ đó, hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không thể hiện việc bản thân có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên đơn. Lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/5/2004; Nguyễn Anh D, sinh ngày 20/11/2011 và Nguyễn Gia E, sinh ngày 03/02/2015. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề con chung theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với cháu C và cháu D đã trên 7 tuổi, trường hợp nguyên đơn, bị đơn ly hôn, cháu C và cháu D có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Đối với cháu E, mặc dù cháu E chưa đủ 7 tuổi, nhưng cháu E là nữ, việc xem xét cho cháu E được ở cùng nguyên đơn sẽ đảm bảo được cho cháu E phát triển tốt nhất trong trường hợp này. Như vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn: Căn cứ mức lương cơ bản và mức sống trung bình tại địa bàn huyện Dầu Tiếng, đối chiếu với công việc buôn bán của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng đối với 03 con chung là phù hợp. Cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn để đảm bảo cho các con chung có được sự phát triển tốt nhất.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Võ Thị Hồng A đối với ông Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Hồng A được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 31/5/2004; Nguyễn Anh D, sinh ngày 20/11/2011 và Nguyễn Gia E, sinh ngày 03/02/2015. Ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2021.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Hồng A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Võ Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045841 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn